

Số: 15 /NQ-HĐKĐCLV

Nghệ An, ngày 09 tháng 11 năm 2020

NGHỊ QUYẾT
Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục
Chương trình đào tạo Kỹ sư Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ
Trường Đại học Mỏ-Địa chất

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 17/QĐ-KĐCLGDĐHV ngày 26/6/2019 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh về việc thành lập Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh, nhiệm kỳ 2018-2023;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-KĐCLGDĐHV ngày 27/9/2018 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh ban hành Quy định hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Hồ sơ tự đánh giá chương trình đào tạo Kỹ sư Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ của Trường Đại học Mỏ-Địa chất, Báo cáo Đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, kết quả thẩm định của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Dự thảo Nghị quyết tại phiên họp ngày 09/11/2020 của Hội đồng,

QUYẾT NGHỊ:

1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Chương trình đào tạo Kỹ sư Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ của Trường Đại học Mỏ-Địa chất, Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện khảo sát chính thức; đã tiến hành đánh giá độc lập, khách quan, trung thực, công khai, minh bạch đúng quy trình quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Kết luận về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo như sau: số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” từ 4,0 điểm trở lên là 46 tiêu chí trên tổng số 50 tiêu chí, chiếm 92%, trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí “đạt yêu cầu”. (chi tiết trong Phụ lục 1).

Nhà trường đã đồng ý với kết quả đánh giá của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài.

2. Kiến nghị Trường Đại học Mở-Địa chất thực hiện 11 nhóm giải pháp cải tiến chất lượng giáo dục (chi tiết trong *Phụ lục 2*).

3. Căn cứ Điều 23 của Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp quy định về điều kiện công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng chương trình đào tạo, Hội đồng công nhận Chương trình đào tạo Kỹ sư Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ của Trường Đại học Mở-Địa chất đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục và đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh cấp Giấy chứng nhận Kiểm định chất lượng giáo dục cho Chương trình đào tạo Kỹ sư Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ của Trường Đại học Mở-Địa chất theo quy định hiện hành.

TM. HỘI ĐỒNG KĐCLGD
Chủ tịch

Trần Đình Quang



PHỤ LỤC 1

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Chương trình đào tạo
Kỹ sư Kỹ thuật trắc địa-Bản đồ của Trường Đại học Mở-Địa chất
 (Kèm theo Nghị quyết số 15/NQ-HĐKĐCLV ngày 09 tháng 11 năm 2020 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Trường Đại học Vinh)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn			Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 1		4,00	3	100	Tiêu chuẩn 7		4,00	5	100
Tiêu chí 1.1	4				Tiêu chí 7.1	4			
Tiêu chí 1.2	4				Tiêu chí 7.2	4			
Tiêu chí 1.3	4				Tiêu chí 7.3	4			
Tiêu chuẩn 2		3,67	2	66,67	Tiêu chí 7.4	4			
Tiêu chí 2.1	4				Tiêu chí 7.5	4			
Tiêu chí 2.2	3				Tiêu chuẩn 8		4,40	5	100
Tiêu chí 2.3	4				Tiêu chí 8.1	4			
Tiêu chuẩn 3		Tiêu chí 8.2	4						
Tiêu chí 3.1	4	Tiêu chí 8.3	5						
Tiêu chí 3.2	3	Tiêu chí 8.4	5						
Tiêu chí 3.3	4	3,67	2	66,67	Tiêu chí 8.5	4			
Tiêu chuẩn 4					Tiêu chuẩn 9		4,20	5	100
Tiêu chí 4.1	4				Tiêu chí 9.1	4			
Tiêu chí 4.2	4				Tiêu chí 9.2	4			
Tiêu chí 4.3	4	Tiêu chí 9.3	4						
Tiêu chuẩn 5		Tiêu chí 9.4	5						
Tiêu chí 5.1	3	Tiêu chí 9.5	4						
Tiêu chí 5.2	4	3,80	4	80	Tiêu chuẩn 10		3,83	5	83,33
Tiêu chí 5.3	4				Tiêu chí 10.1	4			
Tiêu chí 5.4	4				Tiêu chí 10.2	4			
Tiêu chí 5.5	4				Tiêu chí 10.3	3			
Tiêu chuẩn 6					Tiêu chí 10.4	4			
Tiêu chí 6.1	4	Tiêu chí 10.5	4						
Tiêu chí 6.2	4	Tiêu chí 10.6	4						
Tiêu chí 6.3	5	4,43	7	100	Tiêu chuẩn 11		4,00	5	100
Tiêu chí 6.4	4				Tiêu chí 11.1	4			
Tiêu chí 6.5	4				Tiêu chí 11.2	4			
Tiêu chí 6.6	5				Tiêu chí 11.3	4			
Tiêu chí 6.7	5				Tiêu chí 11.4	4			
					Tiêu chí 11.5	4			
Mức trung bình						Số tiêu chí đạt		Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)	
4,00					46		92		





PHỤ LỤC 2

Cải tiến nghị cải tiến chất lượng giáo dục đối với Chương trình đào tạo

Kỹ sư Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ của Trường Đại học Mở-Địa chất

(Kèm theo Nghị quyết số 15/NQ-HĐKĐCLV ngày 09 tháng 11 năm 2020 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh)

Chương trình đào tạo (CTĐT) Kỹ sư Kỹ thuật Trắc địa-Bản đồ (KT Trắc địa-Bản đồ) của Trường Đại học Mở-Địa chất đã được Nhà trường tự đánh giá và được Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đánh giá chất lượng. Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục đối với CTĐT kỹ sư KT Trắc địa-Bản đồ giai đoạn 2014-2019 cho thấy Chương trình có những điểm mạnh đáng ghi nhận như sau: Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, cơ bản phù hợp với Sứ mạng và Tầm nhìn của Nhà trường, với xu thế phát triển của ngành, với mục tiêu GDĐH Việt Nam, được thể hiện cụ thể thông qua chuẩn đầu ra, được phổ biến tới cán bộ, giảng viên và người học. Chương trình dạy học, đề cương chi tiết các học phần được định kỳ rà soát, cập nhật, được phổ biến đến người học; nội dung và cấu trúc của CTĐT được thiết kế cơ bản phù hợp, phân bổ hợp lý; các hoạt động dạy và học đa dạng, các hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học phù hợp, hướng đến đạt được chuẩn đầu ra. Công tác phát triển đội ngũ được xây dựng và thực hiện căn cứ trên yêu cầu thực tế; đội ngũ giảng viên, nhân viên hỗ trợ cho CTĐT có trình độ chuyên môn phù hợp, năng lực công tác và kết quả thực thi nhiệm vụ được quản lý, giám sát và đánh giá chặt chẽ. Hệ thống theo dõi, giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của sinh viên được thiết lập và triển khai hiệu quả; các hoạt động tổ chức cho sinh viên thực hiện các dự án, đồ án tốt nghiệp có sự tham gia của các kỹ sư giàu kinh nghiệm ngoài Trường, sinh viên nghiên cứu khoa học, cố vấn học tập, tư vấn việc làm cho sinh viên... được chú trọng. Hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng thí nghiệm thực hành có đủ các điều kiện cơ bản để hỗ trợ tốt các hoạt động học tập, nghiên cứu của cán bộ, giảng viên và người học. Hệ thống quản trị kết quả đầu ra của CTĐT đầy đủ, chức năng nhiệm vụ được quy định rõ ràng, phù hợp; tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm cao, khả năng đáp ứng yêu cầu công việc tốt, được nhà tuyển dụng hài lòng về kiến thức, kỹ năng, đạo đức nghề nghiệp và tinh thần trách nhiệm. Hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan được thiết lập và triển khai thực hiện; kết quả khảo sát được phân tích, xử lý và sử dụng trong cải tiến chất lượng CTĐT.

Tuy nhiên, CTĐT kỹ sư KT Trắc địa-Bản đồ vẫn còn những điểm tồn tại cần khắc phục và những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng, cụ thể theo 11 nhóm giải pháp dưới đây:

1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT cần được rà soát, điều chỉnh phù hợp hơn với đặc thù của CTĐT, với Tầm nhìn, Sứ mạng và mục tiêu “đào tạo nhân lực có chất lượng cao” của Nhà trường; cần xác định cụ thể các mức năng lực của chuẩn đầu ra bám

sát theo yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam và hướng tới tăng khả năng thích ứng của SV tốt nghiệp CTĐT với những thay đổi của thị trường lao động, chuyển dịch nghề nghiệp trong điều kiện hiện nay; cần kịp thời và đa dạng hóa các hình thức công khai, phổ biến mục tiêu giáo dục và chuẩn đầu ra đến các bên liên quan; mở rộng số lượng và thành phần khảo sát để nắm bắt nhu cầu của các bên liên quan một cách đầy đủ và phản ánh chính xác nhu cầu của thị trường lao động.

2. Cần rà soát, hoàn thiện Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết các học phần trong CTĐT, bổ sung ma trận thể hiện sự đóng góp của học phần, thể hiện sự đáp ứng của phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá đối với việc đạt được chuẩn đầu ra của CTĐT. Cần đa dạng hóa các hình thức phổ biến, công khai Bản mô tả CTĐT và đề cương chi tiết của các học phần để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

3. Chương trình dạy học cần thể hiện đầy đủ về kiến thức, kỹ năng cần đạt được, cần bổ sung nguồn lực để thực hiện CTĐT, nhất là điều kiện về phòng thí nghiệm, thực hành, thiết bị dạy và học, các hoạt động dạy-học, phương pháp kiểm tra đánh giá tương thích, bảo đảm nội dung các học phần chuyển tải được các yêu cầu của chuẩn đầu ra. Cần nghiên cứu tăng thời gian thực hành, thực tế, hoạt động trải nghiệm, hình thành và rèn luyện cho người học các kỹ năng mềm, năng lực khởi nghiệp, năng lực ngoại ngữ để đáp ứng tốt yêu cầu của cách mạng công nghiệp 4.0. Nên xem xét điều chỉnh kế hoạch đào tạo, bố trí giảng dạy một số học phần cơ sở ngành vào các học kỳ của năm thứ nhất để tăng sự hiểu biết và sự đam mê ngành nghề của sinh viên ngay từ năm đầu. Cần chú ý tham khảo, đối sánh các CTĐT tiên tiến, khảo sát đầy đủ, đồng bộ ý kiến của các bên liên quan và sử dụng hiệu quả kết quả khảo sát trong rà soát điều chỉnh chương trình dạy học.

4. Cần chú trọng hướng dẫn cán bộ, giảng viên, nhân viên và người học của CTĐT chuyển tải Triết lý giáo dục của Nhà trường vào nội dung CTĐT, các hoạt động dạy-học, kiểm tra đánh giá của CTĐT, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Cần đa dạng hóa các hình thức phổ biến, tuyên truyền về Triết lý giáo dục của Trường và mục tiêu giáo dục của CTĐT đến các bên liên quan. Cần tăng cường đổi mới phương pháp giảng dạy, chú trọng các phương pháp dạy học kết hợp, lớp học đảo ngược, các khóa học trực tuyến; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy-học...; các phương pháp dạy học, kiểm tra/đánh giá cần hướng tới hình thành kiến thức, phát triển các kỹ năng, phẩm chất cần thiết đối với nghề nghiệp tương lai, rèn luyện cho người học kỹ năng học tập suốt đời.

5. Cần hoàn thiện hệ thống các văn bản quy định, hướng dẫn về kiểm tra đánh giá tiếp cận theo chuẩn đầu ra. Cần đa dạng các hình thức kiểm tra đánh giá với các tiêu chí, thang đo phù hợp để đo lường mức độ đạt được các chuẩn về kiến thức, kỹ năng và thái độ; cần định kỳ phân tích kết quả học tập của người học để đánh giá và đối sánh độ chính xác và độ tin cậy của các hình thức kiểm tra đánh giá. Cần có hình thức giám sát, đánh

giá phù hợp đối với thời gian tự học. Cần nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin để nâng cao hơn nữa hiệu quả quản lý, theo dõi sự tiến bộ của người học trong quá trình học tập.

6. Cần rà soát các quy định, hướng dẫn, bổ sung những chính sách mới, cập nhật về công tác cán bộ. Cần rà soát, điều chỉnh, bổ sung những chính sách, giải pháp khuyến khích viên chức và người lao động gia tăng học tập, nghiên cứu và bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ. Cần khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển chuyên môn của đội ngũ cán bộ, giảng viên để có chính sách và kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng phù hợp. Cần có giải pháp đẩy mạnh hoạt động khoa học công nghệ, tăng cường các nghiên cứu mang tính liên ngành, ứng dụng hay hướng thương mại hóa gắn liền với nhu cầu thực tiễn để phát huy tiềm năng của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên, của các nhóm nghiên cứu/nghiên cứu mạnh.

7. Cần rà soát, đánh giá, vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên hỗ trợ, trên cơ sở đó hướng dẫn các đơn vị xây dựng, bổ sung, điều chỉnh đề án vị trí việc làm phù hợp với thực tế. Cần áp dụng phương thức quản trị hệ thống, quản trị theo năng lực, quản trị theo kết quả đầu ra, chú ý thực hiện phân công và giám sát công việc cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ cho CTĐT theo quy định, để đảm bảo người học được hỗ trợ tốt nhất cả về chuyên môn và hành chính. Cần khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ hỗ trợ theo yêu cầu thực tế, xây dựng cơ sở dữ liệu về yêu cầu năng lực của từng vị trí việc làm để xây dựng kế hoạch và thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng phù hợp, liên tục nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên hỗ trợ.

8. Cần phân tích, dự báo nhu cầu nguồn nhân lực để có phương án chủ động trong xác định chỉ tiêu và triển khai công tác tuyển sinh cho CTĐT; cần tăng cường và đa dạng hóa hình thức quảng bá tuyển sinh cho CTĐT; cần chú trọng lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về chính sách tuyển sinh, đồng thời sử dụng kết quả phân tích làm cơ sở rà soát, điều chỉnh, bổ sung chính sách nhằm lựa chọn được người học giỏi vào học CTĐT. Cần thường xuyên đánh giá hiệu quả các hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua; chú trọng tạo dựng môi trường học thuật trong SV, tăng cường tổ chức các cuộc thi sáng tạo khoa học kỹ thuật, sinh viên nghiên cứu khoa học, seminar học thuật..., tăng cường các hoạt động hỗ trợ việc làm, khởi nghiệp của sinh viên.

9. Cần tăng cường đầu tư cho thư viện điện tử và nguồn học liệu số cần thiết đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu của ngành đào tạo. Cần sớm đầu tư đồng bộ hệ thống công nghệ thông tin quản lý lớp học và tổ chức dạy-học trực tuyến, từng bước áp dụng công nghệ số trong dạy học tiếp cận yêu cầu của giáo dục trong xã hội 4.0. Cần khẩn trương nâng cấp, thay thế các trang thiết bị cũ, hết khấu hao, đầu tư thêm hệ thống máy tính, trang thiết bị phù hợp cho các phòng thí nghiệm, thực hành; có giải pháp phủ sóng wifi trong toàn trường. Cần có giải pháp cho vệ sinh môi trường, an toàn tại ký túc xá, quan tâm đến hệ thống đi lại, sinh hoạt cho người khuyết tật.

10. Cần tăng cường hoạt động thu thập ý kiến phản hồi đầy đủ, đồng bộ của các bên liên quan, sử dụng hiệu quả kết quả khảo sát để xây dựng kế hoạch phù hợp trong phát triển CTĐT, trong cải tiến việc kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của người học để đảm bảo đạt được chuẩn đầu ra. Cần tăng cường hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong cán bộ, giảng viên, chú ý việc sử dụng kết quả nghiên cứu để chuyển tải thành nội dung giảng dạy và cải tiến hoạt động dạy-học. Cần tăng cường hiệu quả công tác đảm bảo chất lượng bên trong; xây dựng hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong phù hợp, tạo thuận lợi cho việc quản lý, triển khai, giám sát các hoạt động của CTĐT.

11. Cần phân tích đầy đủ và đối sánh các số liệu về chất lượng tuyển sinh hằng năm, nguyên nhân sinh viên thôi học, tốt nghiệp không đúng hạn, tỷ lệ sinh viên có việc làm và làm đúng ngành nghề đào tạo của CTĐT KT Trắc địa-Bản đồ với các CTĐT khác trong Trường cũng như với các cơ sở giáo dục đại học khác trong và ngoài nước. Cần chú trọng và thường xuyên khảo sát nhu cầu thị trường và việc làm của sinh viên; tăng cường các hoạt động kết nối doanh nghiệp, giao lưu doanh nhân, tư vấn nghề nghiệp tương lai; cần quan tâm khả năng khởi nghiệp, tự tạo việc làm của người học. Cần đầu tư cho nghiên cứu khoa học của sinh viên đảm bảo đúng quy định. Cần định kỳ khảo sát, đánh giá sự hài lòng của đầy đủ các bên liên quan, chú ý phát triển mạng lưới cựu sinh viên và các nhà tuyển dụng, để có cơ sở dữ liệu tin cậy cho việc đề xuất các giải pháp cải tiến chất lượng phù hợp, khả thi.

* * *

Trên đây là những nhóm giải pháp tổng hợp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch và những giải pháp cụ thể cho việc thực hiện cải tiến chất lượng giáo dục của Nhà trường.

Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục, vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục (tháng 05/2023), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng giáo dục gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh.
